

PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Ở TP. HCM

HIỆU QUẢ VÀ NGUYÊN NHÂN

PTS. TRƯƠNG THỊ HIỀN



TP.HCM là nơi có chủ trương khuyến khích tư nhân đầu tư sớm nhất trong cả nước (từ những năm đầu thập kỷ 80) khi Đảng chính thức thực hiện chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước thì các doanh nhân của Thành phố đã tích cực hưởng ứng.

Những năm gần đây, phần đóng góp của khu vực tư doanh vào tổng sản phẩm xã hội ngày càng tăng tại TP, khu vực này chiếm 30-40% giá trị công nghiệp -TCCN và 60-70% trong ngành thương mại dịch vụ.

Tuy còn nhiều điều phải bàn đến về tình hình phát triển của doanh nghiệp tư nhân, nhưng tới nay cũng cho phép khẳng định rằng cùng với công nghiệp quốc doanh, sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân đang chuyển sang giai đoạn mới, một bước ngoặt lớn,

1. Hiệu quả

a. Theo số liệu thống kê thì sức đóng góp vào ngân sách của khu vực

20 PHÁT TRIỂN KINH TẾ



ngoài quốc doanh hiện còn chiếm một tỷ lệ thấp và có xu hướng giảm dần qua các năm (1989: 14,3%, 1990: 13,5%, 1991: 12,7%). Trong phần thu ngân sách của kinh tế ngoài quốc doanh thì phần thu từ thuế công thương nghiệp chiếm chủ yếu từ 97,8-98,9%, trong đó thu từ CN và TTCN, các ngành SX khác chiếm trên 60%.

Việc thực hiện nộp thuế của các CT chấp hành khá đầy đủ và kịp thời theo doanh số đã kê khai. Việc khai không đúng doanh thu nhất là những thương vụ kinh doanh ngoài quốc doanh tính không đúng giá thành trong các đơn vị này dẫn đến tình trạng "lỗ giả, lỗ thật" còn phổ biến, điều này một phần do các cơ sở muốn trốn thuế, phần khác do quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp lỏng lẻo, cần bộ thu thuế năng lực chưa đáp ứng được yêu cầu.

Tuy vậy, không chỉ nhìn vào cơ cấu nộp ngân sách để đánh giá hiệu quả hoạt động của kinh tế ngoài quốc doanh thấp là chưa có cơ sở. Để hiểu thêm hiệu quả hoạt động của kinh tế ngoài quốc doanh cần phải thấy rằng khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chỉ chiếm 14,1% tổng số vốn của xã hội, và theo báo cáo của Cục thống kê TP, Sở tài chính thì tỷ suất lợi nhuận trên vốn SXKD năm 1990 của khu vực kinh tế quốc doanh trên địa bàn TP là 0,04% và của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là 0,12. Như vậy 1 đồng vốn bỏ vào khu vực kinh tế quốc doanh chỉ thu được 0,04 đồng lợi nhuận còn 1 đồng vốn của khu vực kinh tế tư nhân tạo ra 0,12 đồng lợi nhuận. Nếu tính theo chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận thì kinh tế tư doanh hiệu quả gấp 3 lần khu vực quốc doanh.

Qua đó, cho thấy các doanh nghiệp ngoài quốc doanh sử dụng vốn rất có hiệu quả so với các XNQH.

b. Về con người kinh doanh, trình độ quản lý, trình độ lao động: Nhà kinh doanh là chủ thể đóng vai trò quan trọng đặc biệt trong phát triển kinh tế tư nhân. Đặc biệt phát triển đội ngũ kinh doanh TP có thể khái quát qua các nguồn xuất thân như sau:

- Trên 50% chủ doanh nghiệp từng làm việc cho Nhà nước

- Dưới 50% chủ doanh nghiệp chưa từng làm việc cho Nhà nước, trong đó có cả những chủ doanh nghiệp, nhà tư sản trước 1975.

- Về nghề nghiệp:

- Chủ doanh nghiệp là trí thức chiếm 32,8%

- Chủ doanh nghiệp là tiểu thương chiếm 25,8%

- Chủ doanh nghiệp là công nhân 17,4%

- Chủ doanh nghiệp là công chức nhà nước 14,7%

- Chủ doanh nghiệp không có nghề trước đó 8,6%

- Chủ doanh nghiệp là nông dân 0,7%

Theo số liệu trên thì đa số chủ doanh nghiệp đã từng làm cho Nhà nước và là trí thức, kế tiếp là tiểu thương đã từng biết kinh doanh theo truyền thống gia đình, còn lại những người không nghề nghiệp chiếm tỷ lệ thấp. Tuy nhiên với đa số đã từng làm cho Nhà nước, khu vực quốc doanh do đó kinh nghiệm kinh doanh ở kinh tế thị trường chắc còn hạn chế, và vốn ít. Nhưng sự quen biết các viên chức nhà nước lại rộng rãi, am tường chính sách chế độ của Nhà nước. Điều này có tính hai mặt, một mặt nếu họ trung thực thì sẽ không phát sinh tiêu cực trong SXKD, nộp thuế... Mặt khác, nếu họ không trung thực thì sẽ lợi dụng quen biết để tìm ô dù để thực hiện các hoạt động SXKD trái luật định, biết tìm kẽ hở của luật pháp, chế độ chính sách để

lách.

Theo thống kê sơ bộ, hiện nay ở TP có khoảng 20 nhà doanh nghiệp tỷ phú đặc biệt là các nhà doanh nghiệp trẻ tuổi từ 35-45, số liệu điều tra cho thấy 66,3% các nhà doanh nghiệp ở độ tuổi dưới 45, trên 70% chủ doanh nghiệp là nam, 30% là nữ.

Đánh giá tiềm năng về trình độ quản lý, trình độ đào tạo có thể xem xét kết quả điều tra dưới đây:

- Lao động quản lý chiếm 5,6%
- Công nhân 94,4%

Trình độ quản lý:

- Trên đại học 4,8%
- Đại học 48,4%
- Trung học 29,3%
- Trình độ khác 17,5%

Trình độ đội ngũ quản lý như bảng dưới đây:

	Cộng chung	Chia ra		
		CT cổ phần	CT TNHH	DNTN
Tổng cộng	100	100	100	100
- Trên đại học	4,8	15,4	4,9	3,1
- Đại học	48,4	46,1	50,0	42,5
- Trung học	29,3	39,8	28,7	30,7
- Trình độ khác	17,5	7,7	16,4	23,7

Nguồn: Cục thống kê TP 8.1993

Nhìn chung, trình độ chuyên môn văn hóa của các giám đốc công ty, doanh nghiệp tương đối khá: 82,5% giám đốc có trình độ trung học trở lên, trong đó 53% đại học và trung học. Các CT cổ phần, TNHH khá hơn doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp tư nhân hiện có 1/4 số giám đốc chưa qua trường lớp, trực tiếp quản lý qua kinh nghiệm.

Trình độ công nhân:

- Công nhân kỹ thuật chiếm: 34,7%

- Lao động phổ thông chiếm 65,3%

Tuy lao động phổ thông còn chiếm tỷ lệ cao nhưng so với khu vực quốc doanh (Nhà nước) thì cơ cấu lao động theo trình độ, tức chất lượng lao động ở các doanh nghiệp tư nhân (DNTN, CT TNHH, CT cổ phần...) cao hơn so với doanh nghiệp nhà nước.

Tóm lại, qua các yếu tố về sử dụng vốn, đầu tư kỹ thuật, doanh nhân, trình độ công nghệ, máy móc thiết bị, trình độ lao động... cho thấy tiềm năng của kinh tế tư nhân ở TP có triển vọng lớn cho sự phát triển. Thậm chí ở 1 số quận như quận 5, người ta cho rằng tiềm lực của quận còn đủ sức xây dựng thêm một quận 5 nữa. Tuy nhiên tiềm năng đó hiện nay chưa được khai thác một cách hữu hiệu.

2. Một vài vấn đề chung rút ra

Tính hiệu quả cao trong hoạt động và mật tích cực của khu vực tư doanh do mấy nguyên nhân chính sau:

- Trong nhiều cuộc trao đổi ý kiến, chính các giám đốc quốc doanh cũng thừa nhận: các doanh nghiệp tư nhân quả là năng động. Họ thay đổi mẫu mã liên tục, và cho ra khá nhiều hàng hóa phong phú và đa dạng.

- Các doanh nghiệp coi các chợ là trận địa của mình, sáng nào cũng dạo qua chợ, xem giá cả đánh giá đối thủ, đề ra chiến thuật cho ngày, tuần, tháng và giữ bí mật làm ăn đến mức tối đa. Doanh nhân còn nắm thị trường qua các vựa, đầu nậu bằng việc ứng trước trả sau, trả góp... mà con nợ, khách hàng không cảm thấy "đau" dù số nợ cao gấp nhiều lần lãi suất ngân hàng, có lúc để lấy tiếng và tạo uy tín,

nghe cao, không để cho đào tạo lãnh nghề rồi bỏ qua làm việc nơi khác. Thực hiện việc này thông qua chính sách đãi ngộ, vì vậy đang có xu hướng "chảy chất xám" từ các XNQT sang các DNTN (gồm DNTN, CT TNHH, CT cổ phần).

- Hoạt động của các cơ sở gắn chặt với cả thị trường đầu vào lẫn thị trường đầu ra, thị trường trong nước với thị trường nước ngoài.

- Nhiều cơ sở có quy trình khép kín ở nhiều quy mô khác nhau từ nguyên liệu, pha chế, làm khuôn mẫu, hoàn thiện sản phẩm, sản xuất các phụ kiện đến tổ chức tiêu thụ, biết tận dụng phế thải, phế liệu, tiết kiệm.

- Coi trọng chữ "tín" trong chất lượng mặt hàng kế hoạch giao hàng, bảo hành hàng, thanh toán, giao nhận...

- Phương thức giao nhận hàng, thanh toán hợp đồng nhanh gọn, đa dạng (tiền, mặt, ngân phiếu) trả chậm, trả gởi đầu, đổi hàng...

- Tích cực đầu tư nhập máy móc thiết bị, cải tiến công nghệ, chất lượng hàng hóa để cạnh tranh có hiệu quả.

Khu vực ngoài quốc doanh vốn ít, chưa được tổ chức tín dụng quan tâm, lại đạt sản lượng cao là nhờ họ biết sử dụng đồng vốn có hiệu quả, đẩy nhanh tốc độ tuần hoàn chu chuyển của vốn. Mặt khác họ dám chấp nhận sự tài trợ vốn của thị trường tự do với tỷ lệ lãi suất cao hơn tỷ lệ lạm phát.



các doanh nghiệp lúc thì hạ lãi suất thấp hơn ngân hàng để giành cho được thị trường và khách hàng, rồi lại nâng lãi và giá cả cao hơn ngân hàng.

- Các doanh nghiệp sử dụng công nhân có hiệu quả, thường là 1 người kiêm nhiều việc với phương thức làm cho xong mới được nghỉ chứ không phải là hết giờ. Nói chung cách tổ chức qua các doanh nghiệp gọn nhẹ.

- Họ biết cách làm cho người lao động gần bó với XN thông qua các khâu: tuyển chọn, đào tạo, đãi ngộ, đã hình thành nên chế độ, chính sách, chiến lược của doanh nghiệp. Nhiều cơ sở rất quan tâm đến vấn đề giữ tay

Người đi vay vốn biết tính toán kỹ khối lượng và thời gian nhu cầu vốn, tính toán phương thức tín dụng, phương thức thanh toán.

Người cần vốn cũng như người cung ứng vốn hiểu biết khá tỷ mỉ về những hoạt động của nhau, tạo nên lòng tin giữa họ với nhau rất cao.

Tóm lại, tuy mới bước đầu thực hiện đường lối kinh tế của Đảng, chuyển nền kinh tế từ cơ chế tập trung sang cơ chế thị trường nhưng kinh tế TP nói chung, khu vực tư doanh nói riêng đã có đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng của đất nước ♣